

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 16/2020/KDTM-GĐT

Ngày 30/9/2020

Về tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Anh Tiến** và ông **Nguyễn Văn Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng Nhạn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án Kinh doanh, thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa:

1. Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị T**; địa chỉ cư trú: Thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: ông **Nguyễn Thiện Tr** và bà **Lê Thị H**; cùng địa chỉ cư trú: Thôn X, xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 28/9/2010, bà với vợ chồng ông Nguyễn Thiện Tr, bà Lê Thị H ký Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT có nội dung: Bà H, ông Tr bán cho bà (T) 50.000 kg cà phê nhân với giá 29.000 đồng/kg, thành tiền là 1.450.000.000 đồng, thời gian giao hàng chậm nhất là ngày 30/12/2010. Bà sẽ thanh toán 100% tiền hàng sau khi vợ chồng ông Tr giao đủ hàng. Sau khi ký hợp đồng, ngày 30/9/2010, bà ký tiếp Hợp đồng kinh tế số 489/HĐKT với Công ty TNHH T bán 64.800 kg cà phê nhân với giá 30.000 đồng/kg.

Mặc dù, hợp đồng đã ký không yêu cầu, nhưng để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng, bà đã tạm ứng cho vợ chồng ông Tr 600.000.000 đồng và đến tháng 01/2011, vợ chồng ông Tr mới giao cho bà 20.862 kg. Bà đã nhiều lần yêu cầu, nhưng vợ chồng ông Tr không giao số cà phê còn lại là 29.138 kg. Để có hàng giao cho Công

ty TNHH T, ngày 08/3/2011, bà ký Hợp đồng kinh tế số 35/HĐKT với cơ sở thu mua cà phê của bà Phan Thị T1 để mua 29.138 kg cà phê nhân xô với giá 46.100 đồng/kg. Sau khi nhận được cà phê của bà T1, bà đã giao đủ hàng cho Công ty TNHH T theo đúng thỏa thuận.

Do ông Nguyễn Thiện Tr, bà Lê Thị H không giao cà phê đúng hợp đồng đã ký, nên bà phải mua của bà Phan Thị T1 với giá chênh lệch là 17.100 đồng/kg, Vì vậy, bà yêu cầu ông Tr, Bà H phải thanh toán lại cho bà số tiền chênh lệch do giá cà phê tăng, tương ứng với khối lượng cà phê mà ông Tr, Bà H giao thiếu là 17.100 đồng/kg x 29.138 kg = 498.259.800 đồng.

Bà Nguyễn Thị T không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bị đơn là ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị T về việc ký kết hợp đồng mua bán cà phê giữa hai bên. Tuy nhiên, ông Tr, Bà H cho rằng sau khi ký hợp đồng thì giá cà phê biến động mạnh; đồng thời, bà T không cho ứng tiền trước nên ông, bà không có tiền để thu mua cà phê. Do đó, ông bà đã cố gắng giao cho bà T được 20.862 kg là đã bị lỗ khoảng 200.000.000 đồng và xin bà T số lượng cà phê còn lại sẽ giao vào mùa cà phê sang năm hoặc bà T hỗ trợ giá, nhưng bà T đều không đồng ý. Vì vậy, ông bà không đồng ý thanh toán lại khoản tiền chênh lệch giá.

Sau khi bản án phúc thẩm lần thứ nhất có hiệu lực pháp luật, ông bà đã trả cho bà Nguyễn Thị T được 382.891.000 đồng, nhưng bản án này bị cấp giám đốc thẩm hủy, nên ông bà có yêu cầu phản tố, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả lại số tiền nêu trên. Ông, bà xác định các hợp đồng mà bà Nguyễn Thị T ký với Công ty TNHH T và bà Phan Thị T1 không liên quan gì đến ông, bà và quy cách cà phê cũng khác nhau, do đó không đồng ý thanh toán số tiền chênh lệch giá.

Tại Bản án Kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2011/KDTM-ST ngày 26/7/2011, Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Căn cứ Điều 29, Điều 33, Điều 131 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 37 và Điều 297 của Luật Thương mại năm 2005, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H phải thanh toán số tiền chênh lệch giá cho bà Nguyễn Thị T là 498.259.800 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 10/8/2011, ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H kháng cáo bản án.

Tại Bản án Kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 06/2011/KDTM-PT ngày 01/12/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 22/QĐ-KNGĐT-V12 ngày 15/6/2012, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 24/2012/KDTM-GĐT ngày 19/9/2012, Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân tối cao: Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và giữ nguyên bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 50/2015/KN-KDTM ngày 14/7/2015, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy quyết định giám đốc thẩm, bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 01/2016/KDTM-GĐT ngày 26/02/2016, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Hủy quyết định giám đốc thẩm, bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 25/5/2017, Tòa án nhân dân huyện C quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H.

Buộc ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền thiệt hại là 262.242.000 đồng (do bà T đã nhận số tiền được thi hành án từ ông Tr, Bà H là 382.891.000 đồng, nên bà T phải thanh toán lại cho ông Tr, Bà H số tiền đã nhận dư là 120.649.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 07/6/2017, bà Nguyễn Thị T kháng cáo bản án; ngày 14/6/2017, ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H kháng cáo bản án.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKN/VKS-KDTM ngày 07/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, với lý do: bà Nguyễn Thị T không chứng minh được thiệt hại thực tế do hành vi vi phạm hợp đồng của ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H gây ra và chưa thống nhất được mức giá để tính thiệt hại.

Tại Bản án Kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C về giá cả phê; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 302, 303; 307 và 308 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 302 và Điều 303 của Luật Thương mại.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H.

Buộc ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 495.520.828 đồng (được khấu trừ số tiền đã thi hành án là 382.891.000 đồng).

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 10/11/2017, ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/2020/KN-KDTM ngày 08/9/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc ký kết hợp đồng kinh tế:

Ngày 28/9/2010, bà Nguyễn Thị T là chủ Cơ sở mua bán nông sản T ký Hợp đồng kinh tế số 124/HĐKT với vợ chồng ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H mua 50.000 kg cà phê với giá 29.000 đồng/kg, thời hạn giao hàng chậm nhất là ngày 30/12/2010, phương thức thanh toán bằng tiền mặt 100% sau khi giao đủ hàng.

Cơ sở kinh doanh T thu mua nông sản là để bán lại kiếm lời, do đó sau khi ký hợp đồng với ông Tr, Bà H, bà Nguyễn Thị T đã ký hợp đồng với Công ty TNHH T bán 64.800 kg cà phê, với giá 30.000 đồng/kg, thời hạn giao hàng là ngày 20/02/2011.

Như vậy, việc bà Nguyễn Thị T là chủ Cơ sở kinh doanh T ký hợp đồng mua cà phê của ông Nguyễn Thiện Tr, bà Lê Thị H, sau đó ký hợp đồng bán cà phê cho Công ty TNHH T để kiếm lời là đúng mục đích kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Về việc thực hiện hợp đồng kinh tế:

Do giá cà phê biến động tăng mạnh (theo Công văn số 2246/STC-QLGCS ngày 26/9/2017 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai, thì giá cà phê tháng 10/2010 là 29.871 đồng/kg, tháng 11/2010 là 34.335 đồng/kg, tháng 12/2010 là 34.779 đồng/kg, tháng 01/2011 là 37.840 đồng/kg) nên ông Tr, Bà H không thể thu mua cà phê để giao cho bà Nguyễn Thị T đúng hạn. Để hỗ trợ cho ông Tr, Bà H, bà T đã tạm ứng trước cho ông Tr, Bà H 600.000.000 đồng để tiếp tục thu mua cà phê, nhưng ông Tr, Bà H vẫn không giao đủ cà phê theo thỏa thuận. Tính đến tháng 01/2011, ông Tr, Bà H chỉ giao cho bà T 20.862 kg cà phê, còn thiếu 29.138 kg cà phê. Ông Tr, Bà H cho rằng số tiền 600.000.000 đồng là tiền bà T trả cho số cà phê đã giao và do bà T không cho tạm ứng tiền để mua cà phê, nên không có cà phê để giao là không đúng với hợp đồng đã ký kết, bởi lẽ: theo thỏa thuận giữa hai bên, thì bà T có nghĩa vụ thanh toán khi ông Tr, Bà H giao đủ hàng, không có nghĩa vụ tạm ứng tiền.

Do ông Nguyễn Thiện Tr, bà Lê Thị H không giao cà phê đúng hạn nên bà Nguyễn Thị T không có cà phê để giao cho Công ty TNHH T, bà Tuyết đã xin gia hạn thêm 01 tháng (thời hạn giao hàng là ngày 20/3/2011) nhưng ông Tr, Bà H vẫn không có cà phê để giao, nên ngày 8/3/2011, bà T ký hợp đồng mua của bà Phan

Thị T1 29.138 kg cà phê với giá 46.100 đồng/kg để giao cho Công ty TNHH T.

Mặc dù, Hợp đồng kinh tế giữa bà Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Thiện Tr, bà Lê Thị H; giữa bà Nguyễn Thị T với Công ty TNHH T và giữa bà Nguyễn Thị T với bà Phan Thị T1 là độc lập nhau, không ràng buộc trách nhiệm lẫn nhau và quy cách cà phê có sự khác biệt, nhưng do đặc điểm kinh doanh của cơ sở thu mua nông sản T là thu mua nông sản với giá thấp, về gia công và tìm đối tác khác để bán lại với giá cao hơn để kiếm lời, nên sau khi ký hợp đồng mua cà phê của ông Tr, Bà H (giá 29.000đ/kg), bà T đã gia công, làm cho độ ẩm và tạp chất của cà phê đều giảm, chất lượng cà phê tăng và ký hợp đồng bán lại cho Công ty TNHH T với giá 30.000 đồng/kg là phù hợp. Do ông Tr, Bà H không giao hàng đúng số lượng đã thỏa thuận trong hợp đồng, dẫn đến việc bà Nguyễn Thị T phải ký hợp đồng mua cà phê của bà Phan Thị T1 để giao cho Công ty TNHH T và bị thiệt hại do giá cà phê tăng cao, do đó bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Thiện Tr và bà Lê Thị H phải bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng là đúng quy định tại các Điều 297, 302 và 303 của Luật Thương mại.

[3]. Về yếu tố lỗi do vi phạm hợp đồng:

Xét nguyên nhân dẫn đến việc vi phạm hợp đồng của ông Nguyễn Thiện Tr, bà Lê Thị H thấy rằng: theo Công văn số 2246/STC-QLGCS ngày 26/9/2017 của Sở Tài chính tỉnh Gia Lai về giá cà phê trong giai đoạn năm 2010-2011, thì từ tháng 11/2010, giá cà phê trên thị trường tăng đột biến, từ 28.940 đồng/kg (giá tháng 9/2010, là thời điểm ký hợp đồng) lên 34.779 đồng/kg (giá tháng 12/2010, hạn cuối giao hàng) và tháng 01/2011, lên đến 37.840 đồng/kg. Ngay sau ký hợp đồng với giá 29.000 đồng/kg (ngày 28/9/2010), thì qua tháng 10/2010, giá cà phê đã tăng lên 29.871 đồng/kg và sau đó tăng lên rất cao. Thời điểm cuối cùng ông Tr, Bà H giao cà phê cho bà T, thì giá cà phê là 37.840 đồng/kg và sau đó giá cà phê tiếp tục tăng cao lên đến 42.378 đồng/kg (tháng 02/2011), 46.006 đồng/kg (tháng 3/2011), nên ông Tr, Bà H không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng. Như vậy, việc giá cà phê tăng đột biến là do nguyên nhân khách quan, các bên không thể lường trước được khi giao kết hợp đồng; ông Tr, Bà H cũng đã cố gắng thực hiện một phần hợp đồng, trong khi phải chịu lỗ và sau đó không còn khả năng tiếp tục thực hiện hợp đồng được nữa.

Mặt khác, theo Hợp đồng mua bán cà phê giữa bà Nguyễn Thị T với vợ chồng ông Nguyễn Thiện Tr, bà Lê Thị H, thì thời hạn giao hàng cuối cùng là ngày 30/12/2010, nhưng đến thời điểm này ông Tr, Bà H không có hàng để giao cho bà T là vi phạm hợp đồng và thời điểm vi phạm hợp đồng là ngày 31/12/2010. Lẽ ra, bà Nguyễn Thị T phải tiến hành thu mua cà phê ngay trong tháng 01/2011 để có hàng giao cho Công ty TNHH T nhằm hạn chế tổn thất theo quy định tại Điều 305 của Luật Thương mại, vì thời gian giao hàng với Công ty TNHH T là tháng 02/2011, nhưng bà T không thực hiện mà lại xin Công ty TNHH T gia hạn đến tháng 3/2011 và ngày 08/3/2011, mới mua hàng của bà Phan Thị T1 với mức giá cao hơn rất nhiều so với giá tháng 01/2011, dẫn đến mức chênh lệch giá so với lúc ký hợp đồng càng cao. Vì vậy, trong trường hợp này, bà Nguyễn Thị T cũng có lỗi một phần.

Xét về mức độ lỗi dẫn đến thiệt hại, thì vợ chồng ông Nguyễn Thiện Tr, bà Lê

Thị H có lỗi phần lớn, vì là người vi phạm hợp đồng, không thực hiện việc giao hàng đúng hạn, nên là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến thiệt hại. Ông Tr, Bà H thừa nhận tháng 01/2011 nhận của bà T 600.000.000 đồng và cho rằng đây là số tiền thanh toán cho lượng cà phê đã giao là không đúng, vì hợp đồng quy định chỉ thanh toán một lần khi giao đủ hàng, không thanh toán từng đợt hay tạm ứng tiền, do đó số tiền nêu trên chính là tiền tạm ứng để hỗ trợ mua hàng như bà T khai là có căn cứ. Đối với bà Nguyễn Thị T, mặc dù không kịp thời thu mua cà phê để hạn chế thiệt hại, nhưng đã cho vợ chồng ông Tr, Bà H tạm ứng số tiền 600.000.000 đồng để mua hàng, nên phần lỗi của bà T ít hơn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông Tr, Bà H chỉ phải thanh toán cho bà Tuyết 262.242.000 đồng, trên tổng thiệt hại là 495.520.828 đồng (tương đương 52,92% lỗi), còn Tòa án cấp phúc thẩm tính giá cà phê thu mua vào tại thời điểm tháng 3/2011 và buộc vợ chồng ông Tr, Bà H bồi thường 495.520.828 đồng (tương đương 100% lỗi) đều chưa phù hợp với mức độ lỗi của các bên đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 343; Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/2020/KN-KDTM ngày 08/9/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 06/2017/KDTM-PT ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai (02 bản, kèm h/sơ vụ án);
- TANDTC - Vụ II;
- TAND huyện C;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GDKT II, HCTP, LTTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Cường